

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	Năm 2016	Năm 2015
1	2	3	4
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	23.154.653.417	20.518.204.399
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	121.506.699	375.790.012
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	11.499.715.132	9.681.137.423
4	Hàng tồn kho	11.533.431.586	10.461.276.964
5	Tài sản ngắn hạn khác	0	0
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	714.451.429	1.046.492.367
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	629.715.749	960.498.085
	<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	629.715.749	960.498.085
	<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	0	0
	<i>Tài sản cố định vô hình</i>	0	0
	<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	0	0
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	84.735.680	85.994.282
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN I+II	23.869.104.846	21.564.696.766
III	NỢ PHẢI TRẢ	12.531.382.445	9.645.014.027
	Nợ ngắn hạn	12.531.382.445	9.645.014.027
	Nợ dài hạn	0	0
IV	VỐN CHỦ SỞ HỮU	11.337.722.401	11.919.682.739
1	Vốn chủ sở hữu	11.337.722.401	11.919.682.739
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	10.580.000.000	10.580.000.000
	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	Các quỹ(đầu tư phát triển+ Ch/L tỷ giá)	1.287.651	1.287.651
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	756.434.750	1.338.395.088
	Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác	0	0
	Nguồn kinh phí		
	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN III+IV	23.869.104.846	21.564.696.766

II/ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Năm 2016
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.379.833.981
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	90.831.818
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3=1-2)	12.289.002.163
4	Tổng chi phí bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.930.463.176
5	Doanh thu hoạt động tài chính	2.705.676
6	Chi phí hoạt động tài chính	325.292.477
7	Lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh	1.035.952.186
8	Thu nhập khác	10.413.000
9	Chi phí khác	1.800.000
10	Lợi nhuận khác(10=8-9)	8.613.000
11	Tổng lợi nhuận trước thuế (11=7+10)	1.044.565.186
12	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	288.130.436
13	Lợi nhuận sau thuế	756.434.750
14	Lãi cơ bản trên cổ phiếu 14=13/1.058.000 cổ phiếu	715

III/ CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016
1	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản	%	2,99
	Tài sản ngắn hạn/ Tổng tài sản	%	97,01
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	Bảo toàn vốn tại công ty	Lần	1,00
	Nợ phải trả /Tổng nguồn vốn	%	52,50
	Nguồn vốn CSH /Tổng nguồn vốn	%	47,52
3	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,85
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,90
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	3,31
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / doanh thu thuần	%	6,15
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / vốn điều lệ	%	9,87
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / vốn điều lệ	%	7,15

NGƯỜI LẬP BIỂU

Lê Thị Lệ

Lê Thị Lệ



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Vũ Thúc